

Bản án số: 312 /2025/DS-PT

Ngày: 15 - 8 - 2025

V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập;

Ông Ninh Quang Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 7 và 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 05 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 26 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 190/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Công N, sinh năm: 1990;

Căn cước công dân số: 096090001856; cấp ngày: 27/02/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là ấp G, xã U, tỉnh Cà Mau).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Việt B, sinh năm 1962; Căn cước công dân số: 096062001070; cấp ngày: 13/01/2022; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; cư trú tại: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là ấp G, xã U, tỉnh Cà Mau) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Hoàng A, sinh năm: 1978 (Có mặt);

Căn cước công dân số: 096078008140; cấp ngày: 146/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Cư trú tại: Khóm A, xã U, tỉnh Cà Mau .

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Hoàng A – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Ông Đỗ Hoàng A có nhờ ông chơi dùm 02 chung hội loại hội 3.000.000 đồng/tháng, gồm 31 hội viên. Ông đã hót hội và giao đủ tiền hội cho ông Đỗ Hoàng A. Ngày 22/10/2023 dương lịch ông Hoàng A có ký biên nhận thỏa thuận mỗi tháng đóng hội chết 6.000.000 đồng vào ngày 22 hàng tháng. Ông Đỗ Hoàng A đã đóng hội từ ngày 22/10/2023 đến ngày 22/5/2024 nhưng từ ngày 22/6/2024 ông Hoàng A ngưng không đóng hội, hội từ ngày 22/6/2024 đến khi mãn hội là ngày 22/4/2025 là 23 tháng với số tiền 23 tháng x 3.000.000 đồng = 138.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông Hoàng A đóng hội nhưng ông Hoàng A không thực hiện. Do đó, ông yêu cầu ông Hoàng A có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 138.000.000 đồng.

Tại cấp sơ thẩm, ông Đỗ Hoàng A đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo việc ông Lê Công N khởi kiện yêu cầu trả tiền hội nhưng ông Hoàng A không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Nguyễn V cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Toà án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DSST ngày 26 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đã quyết định (tóm tắt):

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công N về việc yêu cầu ông Đỗ Hoàng A trả số tiền hội. Buộc ông Đỗ Hoàng A có nghĩa vụ trả cho ông Lê Công N số tiền hội là 138.000.000đ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 22/4/2025 Tòa án nhân dân huyện U Minh nhận được đơn kháng cáo của ông Đỗ Hoàng A, lý do kháng cáo: Tòa án nhân dân huyện U Minh tuyên buộc tôi trả cho ông Lê Công N số tiền 138.000.000đ và nộp án phí 6.900.000đ là không đúng do ông A không thiếu nợ ông N (ông A yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận) và cách tính tiền hội của Thẩm phán như vậy là đúng hay sai (nguyên đơn trình bày từ ngày 22/6/2024 đến ngày mãn hội 22/4/2025 là 11 tháng (mỗi tháng 6.000.000đ) nhưng Thẩm phán buộc trả 138.000.000đ). Ông A yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận khởi kiện của ông Lê Công N, hủy án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Hoàng A trình bày: Ông B đưa tiền ra thì giờ đòi lại là đúng nhưng do ông Hồ Thanh T thiếu nợ chứ ông không có thiếu nợ, ông không đồng ý trả.

Yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

Ông Lê Việt B trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2025/DS-ST ngày 26 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo hướng đổi trừ 48.000.000đ do ông A đã chuyển khoản trả, buộc ông A phải trả cho ông Nguyễn 9.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Đỗ Hoàng A nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Hoàng A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Tại Biên nhận ngày 22/10/2023 có nội dung: “Hôm nay ngày 22/10/2023 D lịch, tôi đứng tên Nguyễn Đỗ Hoàng A... nay tôi viết biên nhận này có nội dung như sau: Là vì tôi có nhờ cháu Lê Công Nguyễn sinh 1990 HKT Trú: Ấp G, xã K, huyện U, Cà Mau vô dùm tôi 2 chân hụi 3.000.000đ. Mỗi một chân gồm có 31 (ba mươi mốt) hụi viên. Nhưng cháu N đã hốt hết dùm tôi hai chân hụi nói trên và đồng thời đã giao cho tôi đúng và đủ số tiền của hai chân hụi. Thì đồng thời tôi phải có trách nhiệm đóng hụi chết với số tiền là: 6.000.000đ hàng tháng vào ngày 22 d lịch cho đến khi mãng hết 31 kỳ là dứt điểm. Nếu như trong thời gian đóng hụi chết chậm trễ thì cháu N được quyền kiện tôi ra tòa. Và được yêu cầu tôi đóng đủ một lần trong những tháng còn lại. tôi đồng ý chấp nhận những lời giao kèo trong biên nhận này, là hoàn toàn tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước (bút lục 03, 04).

[2.2] Phía nguyên đơn cung cấp cho tòa án 02 giấy thể hiện ông Đỗ Hoàng A chuyển tiền 08 lần, mỗi lần 6.000.000 đồng, chuyển vô tài khoản số 7503205183446, là tài khoản của ông Bùi Trọng N1. Ông A thừa nhận có chuyển khoản 08 lần, mỗi lần 6.000.000 đồng, chuyển vô tài khoản số 7503205183446, là tài khoản của ông Bùi Trọng N1. Nhưng ông A trình bày là do ông Hồ Thanh T thiếu nợ ông Lê Công N, ông T nhờ ông chuyển khoản qua cho ông Bùi Trọng N1 để nhờ ông N1 rút ra, đưa trả ông Lê Công Nguyễn D ông T.

[2.3] Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để mời ông Bùi Trọng N1 và ông Hồ Thanh T làm việc, kết quả:

Ông Bùi Trọng N1 trình bày: Tài khoản số 7503205183446 là của ông, ông không có vay mượn tiền gì với ông Đỗ Hoàng A, ông A có chuyển khoản 8 lần vào tài khoản số 7503205183446 của ông. Việc chuyển khoản là theo giấy ghi nội dung ông Đỗ Hoàng A chuyển tiền. Ông Nguyễn C quan hệ tiền bạc với ông Đỗ Hoàng A, ông Nguyễn C1 cung cấp số tài khoản cho ông A để chuyển tiền nhưng ông N không có số tài khoản, do đó ông Nguyễn M số tài khoản của ông để cho ông A chuyển tiền, sau khi ông A chuyển tiền thì ông rút đưa ông N. Ông N1 xác định ông không có quan hệ tiền bạc gì với ông Hồ Thanh T (bút lục 100).

Ông Hồ Thanh T trình bày: Ông có nợ ông Lê Công N 138.000.000 đồng. do ông mất khả năng thanh toán nên ông Đỗ Hoàng A đứng ra nhận nợ số tiền 138.000.000 đồng cho ông. Ông đã thảo thuận với ông Đỗ Hoàng A hàng tháng ông A chuyển trả cho ông Nguyễn 6 đồng và trả được sáu lần, còn nợ lại 102.000.000 đồng. Ông T xác định không có chứng cứ gì chứng minh ông T nợ ông N 138.000.000 đồng. Ông T xác định nhiều lần ông nhờ ông B vay tiền dùm, đến khi chốt nợ 138.000.000 đồng. Do ông T làm ăn thất bại mất khả năng thanh toán. Ông B yêu cầu ông Hoàng A đứng ra nhận nợ. Ông B không có tiền nên ông B nói ông hót 2 chùng hụi, L hụi 3.000.000 đồng/tháng gồm 31 hụi viên trả tiền cho người cho vay, hàng tháng đóng hụi chết cho ông, do ông B đi nước ngoài nên ông B yêu cầu chuyển tiền cho ông Lê Công N là con của ông B và **yêu cầu ông Hoàng A ký biên nhận** chứ ông Hoàng A không thiếu nợ ông N. Hàng tháng ông Đỗ Hoàng A có trách nhiệm chuyển trả cho ông Lê Công N 6.000.000 đồng (bút lục 101).

[2.4] Qua làm việc với ông Hồ Thanh T, là người biết sự việc và do ông Đỗ Hoàng A mời đến Tòa án để trình bày sự việc. Với lời trình bày của ông T: “yêu cầu ông Hoàng A ký biên nhận”, qua đó có căn cứ xác định ông Đỗ Hoàng A có ký vào Biên nhận ngày 22/10/2023 (bút lục 04).

Tuy nhiên, việc ông T trình bày ông có nhờ ông Đỗ Hoàng A chuyển trả cho ông Nguyễn 61 lần, mỗi lần 6.000.000 đồng, là mâu thuẫn với lời trình bày của ông A. Ông A xác định đã chuyển vào tài khoản của ông T1 08 lần và chứng cứ có tại hồ sơ cũng thể hiện có 08 lần chuyển khoản, mỗi lần 6.000.000 đồng.

[3] Từ những tình tiết nêu trên cho thấy có việc ông A nợ tiền ông N và hàng tháng ông A có chuyển khoản trả 6.000.000 đồng, trả được 08 lần thì ngưng, Bản án sơ thẩm xác định ông A có nợ ông Nguyễn T2 Biên nhận, là có căn cứ.

[4] Về việc ông A kháng cáo cách tính tiền nợ: Số kỳ hụi ông A phải đóng là 31. Ông A thừa nhận có chuyển khoản trả cho ông N 08 tháng, mỗi tháng 6.000.000 đồng, vậy còn phải đóng là 23 kỳ. Án sơ thẩm buộc ông A phải thanh toán cho ông Nguyễn 2 kỳ hụi, mỗi kỳ 6.000.000 đồng = 138.000.000 đồng là đúng với bản chất của sự việc. Do đó, kháng cáo của ông A không được chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A không cung cấp chứng cứ gì mới ngoài người biết sự việc là ông Hồ Thanh T như nêu trên, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án, tại phiên tòa Phúc thẩm, sau khi làm rõ nội dung tranh chấp trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Xuất phát từ việc ông A nhờ ông Nguyễn V1 cầm 2 chân hụi, mỗi chân 3.000.000đ, mỗi chân gồm 31 hụi viên. Ông N đã hốt hụi và giao tiền đủ cho ông A $(3.000.000đ \times 31) \times 2 = 186.000.000đ$. Ông A chuyển trả được 8 lần, mỗi lần 6.000.000đ = 48.000.000đ. Như vậy ông A và ông N đã thống nhất cách thức thanh toán, việc ông A chậm thanh toán tiền cho ông Nguyễn K làm vô hiệu sự thỏa thuận giữa 2 bên. Ông A thanh toán được 08 lần thì ngưng nên ông N đã khởi kiện yêu cầu ông anh phải thanh toán tiếp số tiền 138.000.000đ. Trong trường hợp này, căn cứ khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp phải giải quyết là tranh chấp dân sự về “đòi lại tài sản” chứ không phải tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”. Do cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng nội dung vụ án, do đó Hội đồng xét xử chỉ cần điều chỉnh lại cho đúng mối quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng, không phải sửa bản án sơ thẩm.

[7] Án phí: Ông Đỗ Hoàng A phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 6.900.000 đồng. Ông Lê Công N không phải chịu; Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Hoàng A phải chịu 300.000 đồng.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Hoàng A.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DSST ngày 26 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng khoản 2 Điều 164, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công N về việc yêu cầu ông Đỗ Hoàng A trả số tiền hụi.

Buộc ông Đỗ Hoàng A có nghĩa vụ trả cho ông Lê Công N số tiền nợ hụi là 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Hoàng A phải chịu là 6.900.000đ (Sáu triệu chín trăm ngàn đồng). Ông Lê Công N không phải chịu; Ngày 20 tháng 11 năm 2024, ông N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.450.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006838 của Chi cục thi hành án huyện U Minh, được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Hoàng A phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09 tháng 5 năm 2025 ông Đỗ Hoàng A đã dự nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0007108, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh